

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 01 - 2023

V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Ngọc Phú.

2. Bà Hà Thị Thúy.

*-Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tp Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 505/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1981.

2. *Bị đơn:* Anh Trần An D, sinh năm 1980.

Đều ĐKKHKT: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: .... N, khu 4, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

*(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trần An D sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện ĐKKH tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 13 tháng 7 năm 2007. Sau ngày vợ chồng ăn ở chung với bố mẹ chồng được 3 tháng thì thuê nhà tại quận D, thành phố Hải Phòng để ở cho đến năm 2016 thì mua được nhà và đất ở tại ....., phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, cả hai đều làm bảo hiểm phi nhân thọ. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh D sống không có trách nhiệm với gia đình, xúc phạm tới chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho tới nay. Tuy sống cùng một nhà nhưng mỗi người một phòng việc của ai người đó làm, không ai có trách nhiệm với ai. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống được với anh D, nên đề nghị Tòa án giải

quyết được ly hôn với anh Trần An D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Trần Quốc K, sinh ngày 22/8/2008 và Trần Khánh U, sinh ngày 13/10/2013, cả hai con đang ở với anh chị, ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị là nhân viên bảo hiểm Quân đội - MIC Hải Dương thu nhập bình quân hàng tháng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn kinh doanh thêm mỗi tháng thu nhập thêm khoảng 14.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu hợp lệ cho bị đơn là anh Trần An D và nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh D không đến Tòa án làm việc.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H, anh D. Tại biên bản xác minh ngày 07/12/2022, bà trưởng khu dân cư số 4, phường Tân Bình xác định: Anh D vẫn cùng chung sống với chị H tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương cũng không biết được. Nay chị H xin ly hôn với anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung có hai con là Trần Quốc K, sinh ngày 22/8/2008 và Trần Khánh U, sinh ngày 13/10/2013 hiện nay đang ở cùng với anh, chị.

Nguyên vọng của con Trần Quốc K và con Trần Khánh U đều muốn ở với chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16 tháng 12 năm 2022, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh D và đề nghị được nuôi con Trần Quốc K và con Trần Khánh U. Anh D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H, anh D là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, đề nghị xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần An D; Về con chung: Giao cho chị

Trần Thị H nuôi 02 con Trần Quốc K, sinh ngày 22/8/2008 và Trần Khánh U, sinh ngày 13/10/2013; chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần An D đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Dương vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn là chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần An D vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần An D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ngày 13 tháng 7 năm 2007. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H anh D là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị H, biên bản xác minh tại địa phương có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, không tôn trọng nhau. Từ tháng 10/2020 đến nay, anh chị đã sống ly thân sống cùng một nhà nhưng không ai có trách nhiệm với ai, việc của ai người đó làm. Anh D cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị H, điều này thể hiện trong quá trình anh chị sống ly thân, cả hai không quan tâm đến nhau và anh D cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị Hiền nhưng anh Dương không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị Hiền và anh Dương đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị Hiền ly hôn với anh Trần An Dương.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Trần Quốc Khánh, sinh ngày 22/8/2008 và Trần Khánh Uyên, sinh ngày 13/10/2013. Chị Hiền đề nghị được tiếp tục cả hai con, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con và tình trạng thực tế hiện nay của hai bên để đảm bảo quyền lợi cho con, mặt khác nhà và đất ở tại 19/129 Nguyễn Chí Thanh, khu 4, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương anh Dương đã tặng cho chị Hiền và ngày 17/02/2022 được UBND thành phố Hải Dương cấp GCN quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Thị Hiền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều nhưng anh Dương không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm của mình. Như vậy, anh Dương đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX thấy cần thiết tiếp tục giao cả cho chị Hiền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hiền, anh Dương không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Điều đó hoàn toàn phù hợp với những

nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Như vậy là phù hợp các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Hiền, anh Dưỡng đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hiền khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hiền. Xử cho chị Trần Thị Hiền ly hôn anh Trần An Dưỡng.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị Hiền tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Trần Quốc Khánh, sinh ngày 22/8/2008 và Trần Khánh Uyên, sinh ngày 13/10/2013 (hiện cả hai con đang ở với anh, chị). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hiền, anh Dưỡng không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Hiền phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị Hiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0001220 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Quốc Tuấn;
- Chi cục THADS tp. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tú**

